

Số: 959 /QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục vật phẩm nguy hiểm
cấm mang vào khu vực hạn chế, mang lên tàu bay**

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ khoản 5 Điều 11 Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam; Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019;

Căn cứ Phụ đính 43 (Prohibited Items List) - Tài liệu hướng dẫn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO): Doc 8973/12 về an ninh hàng không (Aviation Security Manual);

Xét đề nghị của Trưởng phòng An ninh hàng không – Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục vật phẩm nguy hiểm cấm mang vào khu vực hạn chế, mang lên tàu bay vì yêu cầu bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Phụ lục I Danh mục vật phẩm nguy hiểm cấm mang theo người, hành lý lên tàu bay ban hành kèm theo Quyết định số 1531/QĐ-CHK ngày 11/7/2017 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ GTVT: Vụ PC, Vụ VT (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Bộ Tư lệnh Cảnh vệ;
- Các tổ chức có CT, QC ANHK được Cục HKVN phê duyệt, chấp thuận;
- Các Phòng: TCATB, PC&HTQT, VTHK, TTHK, Văn phòng Cục HK;
- Cảng vụ HK miền Bắc, Trung, Nam;
- Trang thông tin điện tử Cục HKVN;
- Lưu: VT, ANHK (HungLN.xbn).



Đinh Việt Sơn

**DANH MỤC VẬT PHẨM NGUY HIỂM CẤM MANG VÀO KHU VỰC
HẠN CHẾ, MANG LÊN TÀU BAY**

*(Kèm theo Quyết định số: 959 /QĐ-CHK ngày 17/5/2021 của
Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam)*

**I. DANH MỤC VẬT PHẨM NGUY HIỂM CẤM MANG VÀO KHU VỰC
HẠN CHẾ, KHOẢNG HÀNH KHÁCH CỦA TÀU BAY (Prohibited items
in the cabin of an aircraft and in security restricted areas)**

TT	Nội dung	
1	Chất nổ và các chất gây cháy, nổ và các vật có thành phần như: ngòi nổ, dây nổ và các thành phần cấu thành khác được sử dụng để gây sát thương hoặc đe dọa đến sự an toàn của tàu bay: <i>/Explosives and incendiary substances and other non-readily available components such as detonators, ignitors and secondary items such as incendiary material devices capable of being used to cause serious injury or threatening the safety of aircraft, including:</i>	
1.1	Các loại đạn	<i>Ammunition</i>
1.2	Các loại kíp nổ	<i>blasting caps,</i>
1.3	Các loại ngòi nổ, dây cháy chậm	<i>detonators and fuses</i>
1.4	Các vật mô phỏng giống một vật nổ	<i>replica or imitation explosive devices</i>
1.5	Mìn, lựu đạn, thiết bị nổ quân dụng khác	<i>mines, grenades and other explosive military stores</i>
1.6	Các loại pháo như pháo nổ, pháo hoa nổ, pháo hoa, pháo bông, pháo sáng, pháo hiệu và thuốc pháo	<i>pyrotechnics, including fireworks</i>
1.7	Đạn khói, quả tạo khói	<i>smoke-generating canisters or cartridges; and</i>
1.8	Các loại thuốc nổ, thuốc súng, chất nổ dẻo	<i>dynamite, gunpowder and plastic explosives; and</i>
2	Vũ khí, súng và các loại vật dụng được thiết kế để gây sát thương hoặc các vật giống như vũ khí: các thành phần cấu tạo của súng và đạn (súng phóng điện, súng tự chế như các loại súng in 3D, loại không xác định). Các loại này bao gồm: <i>/Guns, firearms and other devices designed to cause serious injury or capable of being mistaken for such devices, including components of firearms and ammunition (improvised, single discharge weapons such as 3D printed items that may not be identifiable). Those include:</i>	
2.1	Súng ngắn, súng trường, tiểu liên, súng bắn đạn ghém, súng săn và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự	<i>firearms of all types, including pistols, revolvers, rifles and shotguns</i>

Handwritten signature

2.2	Các vật dụng, đồ chơi giống vũ khí thật như súng, bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thủy lôi, vỏ đạn, các vật được chế tác từ vỏ đạn.	<i>toy guns, replicas and imitation firearms capable of being mistaken for real weapons</i>
2.3	Các bộ phận cấu tạo của súng, gồm cả ống ngắm	<i>component parts of firearms, excluding telescopic sights</i>
2.3	Súng hơi các loại như súng ngắn, súng trường và súng bắn đạn bi, đạn sơn, đạn cao su	<i>compressed air and carbon dioxide guns, including pistols, pellet guns, rifles and ball bearing guns</i>
2.4	Súng bắn pháo sáng và súng hiệu lệnh	<i>signal flare pistols and starter pistols</i>
2.5	Các thiết bị phóng điện và các thiết bị phóng điện tự tạo	<i>electrical stun devices and improvised devices</i>
2.6	Súng la-de hoặc thiết bị phát tia la-de (trừ bút la-de dùng trong giảng dạy, thuyết trình)	<i>Laser guns or laser devices (except laser pens used in teaching and presentations)</i>
3	Các chất hóa học:	<i>chemical substances, such as:</i>
3.1	Các loại bình xịt, khí và chất hóa học nhằm vô hiệu hóa hoặc gây tê liệt như: bình xịt hơi cay (trong đó bao gồm các loại bình xịt được chế tạo từ các loại ớt và hạt tiêu), các loại bình xịt a-xít, bình xịt chống côn trùng và khí cay (hơi cay) trừ trường hợp các loại bình xịt sử dụng để sát khuẩn trên tàu bay	<i>disabling and incapacitating chemicals, gases and sprays, such as mace, pepper or capsicum sprays, acid sprays, animal repellent sprays, and tear gas;</i>
3.2	Các loại chất hóa học mà khi trộn lẫn có khả năng gây phản ứng nguy hiểm (phản ứng gây cháy); và	<i>chemicals that, when mixed, are capable of creating a hazard through reaction (hypergolic reactions); and</i>
3.3	Các loại chất hóa học khác có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc tài sản kể cả khi không được phân loại trong danh mục Hàng hóa nguy hiểm	<i>chemicals that cause any hazard to life or property whether or not classified as Dangerous Goods;</i>
4	Các vật có lưỡi sắc hoặc đầu nhọn và các thiết bị khi phóng (bắn) có thể sử dụng để gây thương tích nghiêm trọng: <i>Objects with sharp points or sharp edges, and devices that discharge projectiles capable of being used to cause serious injury, including:</i>	
4.1	Các vật được chế tạo để băm, chặt, chẻ như rìu, dao phay	<i>items designed for chopping, such as axes, hatchets and cleavers; ice axes and ice picks</i>
4.2	Dao lam, dao rọc giấy	<i>razor blades and box cutters</i>
4.3	Súng tự chế, súng phóng lao	<i>harpoon guns and spear guns; and</i>
4.4	Súng cao su	<i>slingshots and catapults</i>
4.5	Các loại dao có lưỡi (không bao gồm cán dao) dài trên 06 cm hoặc tổng chiều dài cán	<i>knives with blades of more than 6 cm</i>

	và lưỡi trên 10 cm	
4.6	Kéo có lưỡi dài trên 06 cm tính từ điểm nối giữa hai lưỡi hoặc tổng chiều dài cán và lưỡi trên 10 cm	<i>scissors with blades of more than 6 cm as measured from the fulcrum</i>
4.7	Dụng cụ võ thuật có đầu nhọn hoặc cạnh sắc: các loại dao găm, kiếm, gươm, giáo, mác, lưỡi lê, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, tên, nỏ...	<i>martial arts equipment with sharp points or sharp edges; and daggers, swords, spears, bayonets, knives, rulers, fists, maces, bows, names, crossbows</i>
4.8	Chân đế máy ảnh, camera, gậy, cán ô có đầu nhọn bịt kim loại	<i>Camera base, camera, sticks, umbrella with metal chop</i>
4.9	Các vật sắc, nhọn khác có thể được sử dụng làm hung khí tấn công có tổng chiều dài trên 10 cm	<i>Other sharp, pointed objects that could be used as weapons totaled more than 10 cm</i>
5	Các dụng cụ lao động có thể sử dụng để gây thương tích nghiêm trọng hoặc đe dọa đến an toàn của tàu bay: <i>Workers' tools capable of being used either to cause serious injury or to threaten the safety of aircraft, including:</i>	
5.1	Xà beng, cuốc, thuổng, xẻng, mai, liềm, tràng, đục, cuốc chim	<i>Crowbars, Spades, hoes, shovels, sickles, chisels, chisels, picks</i>
5.2	Khoan và mũi khoan, bao gồm cả khoan bằng tay	<i>drills and drill bits, including cordless portable power drills</i>
5.3	Các loại dụng cụ có lưỡi sắc hoặc mũi nhọn dài trên 06 cm và có khả năng sử dụng làm vũ khí như tuốc-nơ-vít	<i>tools with blades or shafts more than 6 cm capable of use as weapons, such as screwdrivers and chisels</i>
5.4	Các loại búa, cờ-lê, mỏ lét, kìm có chiều dài trên 10 cm	<i>Hammers, wrenches, pliers with a length of more than 10 cm</i>
5.5	Các loại cưa, lưỡi cưa bao gồm cả cưa bằng tay	<i>saws, including cordless portable power saws</i>
5.6	Đèn khò	<i>blowtorches</i>
5.7	Dụng cụ bắn vít, bắn đinh	<i>bolt guns and nail guns</i>
6	Các vật, dụng cụ đầu tù khi tấn công gây thương tích nghiêm trọng: <i>Blunt instruments capable of being used to cause serious injury when used to hit, including:</i>	
5.1	Các loại gậy thể thao như gậy đánh bóng chày, gậy đánh gôn, gậy chơi khúc côn cầu, gậy chơi bi-a, gậy trượt tuyết	<i>Sports clubs such as baseball bats, golf clubs, hockey sticks, billiard clubs, ski clubs</i>
5.2	Các loại dùi cui như dùi cui cao su, dùi cui kim loại, dùi cui gỗ	<i>clubs and batons, such as billy clubs, blackjacks and night sticks</i>
5.3	Dụng cụ, thiết bị tập luyện võ thuật	<i>martial arts equipment</i>

Hung

6	Chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xít (chất lỏng) được cụ thể theo hướng dẫn về kiểm soát chất lỏng	<i>LAGs as specified in the guidance material for security controls of LAGs</i>
---	---	---

II. DANH MỤC VẬT PHẨM NGUY HIỂM CẤM MANG LÊN KHOANG HÀNG TÀU BAY (*Prohibited items in in the hold of an aircraft*)

Chất nổ, chất cháy hoặc các loại khác được sử dụng để gây thương tích nghiêm trọng hoặc đe dọa đến sự an toàn của tàu bay bị cấm mang lên tàu bay vì lý do an toàn (trừ các trường hợp theo quy định):

Explosive or incendiary substances or devices capable of being used to cause serious injury or threatening the safety of aircraft are prohibited in the hold of an aircraft for safety reasons, including the following (rules granting exemptions under defined circumstances may exist):

TT	Nội dung	
1	Đạn*, trừ trường hợp được người khai thác tàu bay chấp nhận vận chuyển trong hành lý ký gửi theo các điều kiện cụ thể quy định tại Phần 8, Chương 1, Mục 1.1.2 Doc 9284 - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).	<i>Ammunition *, except accepted by the aircraft operator in checked baggage in accordance with the conditions specified in Part 8, Chapter 1, Item 1.1.2 - Doc 9284: Document of instructions for transportation of dangerous goods by air of International Civil Aviation Organization (ICAO).</i>
2	Các loại kíp nổ	<i>blasting caps</i>
3	Các loại ngòi nổ, dây cháy chậm	<i>detonators and fuses</i>
4	Mìn, lựu đạn, thiết bị nổ quân dụng khác	<i>mines, grenades and other explosive military stores</i>
5	Các loại pháo như pháo nổ, pháo hoa nổ, pháo hoa, pháo bông, pháo sáng, pháo hiệu và thuốc pháo	<i>pyrotechnics, including fireworks</i>
6	Đạn khói, quả tạo khói	<i>smoke-generating canisters or cartridges</i>
7	Các loại thuốc nổ, thuốc súng, chất nổ dẻo	<i>dynamite, gunpowder and plastic explosives</i>

Hughes

III. QUY ĐỊNH NÀY KHÔNG ÁP DỤNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP (*These regulations are not applicable in the following cases*)

1. Đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện của lực lượng công an, quân đội, kiểm soát an ninh hàng không để thực hiện nhiệm vụ trên tàu bay, tại cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không thì tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện.

The carriage and usage of weapons, supporting tools, equipment of the People's Public Security; the People's Army and Aviation Security Force to perform their duties shall be complied with the Law on Management and Use of weapons, explosives and supporting tools.

2. Đối với vật phẩm nguy hiểm là phương tiện, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, vật tư, đồ dùng phục vụ hoạt động hàng không dân dụng, cung cấp dịch vụ phi hàng không, sửa chữa, thi công, y tế trong khu vực hạn chế thì các cơ quan, đơn vị lập danh mục và thực hiện quản lý theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/03/2019 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020:

Dangerous items including but not limited as instrument, tool, fuel, material, etc. used for serving civil aviation operations, non-aeronautical services, repairing, construction, medical works etc. in the security restricted area have to be listed by the organizations who used these dangerous items. The taking and using these dangerous items have to comply with Article 33 of Circular No. 13/2019/TT-BGTVT dated March 29th, 2019 revised by the Circular No. 41/2020/TT-BGTVT dated December 31st, 2020.

3. Các trường hợp pháp luật có quy định khác.

Unless the legislation indicate otherwise.